TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/5/2023
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hậu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Kim Kinh;

2. Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Quỳnh Nương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thu Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 453/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 76/2023/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2023, giữa các đương sự:

1. N đơn: Bà Đặng Thị C G, sinh năm: 1977; địa chỉ: Tổ 5, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã Nghĩa K, Hện T, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Trần Xuân H, sinh năm: 1970; địa chỉ: Hẻm 131 đường H, tổ 5, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 9 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án, n đơn bà Đặng Thị C G trình bày: Bà và ông Trần Xuân H có thời gian tìm hiểu và tổ chức lễ cưới, năm 2001 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tr, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; được Ủy ban nhân dân

phường T, thành phố Q cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 02/2001 ngày 18/01/2001. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, thường xuyên cãi vả, nhiều lần ông H chửi bới, đánh đập và xúc phạm đến danh dự nhân phẩm, bà đã khuyên nhủ ông H thay đổi tính tình để vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng ông H không thay đổi; do tính cách ông H như vậy nên từ tháng 02/2022 đến nay, bà về sinh sống với cha mẹ đẻ tại xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Xuân H.

- Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung là Trần Xuân Thảo N, sinh ngày 11/5/2002, đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân, bà G không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà G trình bày không có.

Bị đơn ông Trần Xuân H: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông H không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của n đơn. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa ông H đều vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của n đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đặng Thị C G về việc ly hôn với ông Trần Xuân H. Về con chung: Có 01 con chung là Trần Xuân Thảo N, sinh ngày 11/5/2002, đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nên không xem xét. Tài sản chung, nợ chung: Bà G trình bày không có nên không xem xét. Bà G phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trần Xuân H có nơi cư trú hiện nay tại tổ 5, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: N đơn bà Đặng Thị C G có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Trần Xuân H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không vì trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đặng Thị C G và ông Trần Xuân H.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2001, bà Đặng Thị C G và ông Trần Xuân H tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận kết hôn số 02/2001, quyển số 01 ngày 18/01/2001 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị C G và ông Trần Xuân H là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về n nhân xảy ra mâu thuẫn: Theo bà Đặng Thị C G trình bày: Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm, tính cách không hòa hợp, thường xuyên xảy ra cãi vả, ông Trần Xuân H có những lời lẽ xúc phạm và đánh đập bà G làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 02/2022 đến nay, bà về sinh sống với cha mẹ đẻ tại xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để động viên bà G và ông H hàn gắn, đoàn tụ nhưng ông H không đến Tòa án làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà G. Do đó, có căn cứ để xác định mâu thuẫn giữa bà G và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị C G; bà Đặng Thị C G được ly hôn với ông Trần Xuân H.

[3.2] Về con chung: Bà G và ông H có 01 con chung là Trần Xuân Thảo N, sinh ngày 11/5/2002, đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân, bà G không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đặng Thị C G trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Đặng Thị C G phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Điều 8, Điều 9, Điều 51,

Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị C G. Bà Đặng Thị C G được ly hôn với ông Trần Xuân H.

2. Về con chung: Bà G và ông H có 01 con chung là Trần Xuân Thảo N, sinh ngày 11/5/2002, đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân, bà G không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đặng Thị C G trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Đặng Thị C G phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0003792 ngày 10/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

5. N đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP. Quảng Ngãi;
- UBND phường T
thành phố Q.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Hậu